

- Muốn tính số trừ ta làm như thế nào?
- Muốn tính hiệu ta làm sao?
- Yêu cầu 3 HS chia sẻ kết quả của 3 cột tính

- Nhận xét bài làm học sinh.

Bài 3: Cá nhân – chia sẻ trước lớp

- Bài toán cho biết gì?
- Bài toán yêu cầu làm gì?
- Muốn tính số ô tô rời bến ta làm như thế nào?
- Yêu cầu học sinh chia sẻ kết quả bài giải

- GV nhận xét bài làm

Lưu ý giúp đỡ để đối tượng M1 hoàn thành BT

🌟 Bài tập PTNL:

Bài tập 1 (cột 3) (M3)

- Yêu cầu học sinh tự làm bài và báo cáo với giáo viên.

Bài tập 2 (cột 4,5) (M4)

- Yêu cầu học sinh tự làm bài rồi báo cáo với giáo viên.

- HS tự tìm hiểu và làm bài
- Trao đổi cặp đôi.
- Nêu lại cách tính từng thành phần.
- *Dự kiến ND chia sẻ:

Số bị trừ	75	84	58
Số trừ	36	24	24
Hiệu	39	60	34

- Học sinh lắng nghe. Nhận xét
- *Dự kiến ND chia sẻ:
- Có 35 ô tô. Sau khi rời bến còn lại 10 ô tô
- Hỏi số ô tô đã rời bến?
- Thực hiện phép tính $35 - 10$.
- 1 Học sinh chia sẻ
- Hs tương tác -> thống nhất:

Bài giải:

Số ô tô đã rời bến là:

$$35 - 10 = 25 \text{ (ô tô)}$$

Đáp số: 25 ô tô.

- Học sinh trình bày bài vào vở, báo cáo với giáo viên:

$$\begin{array}{ll} 42-x=5 & x-14=18 \\ x=42-5 & x=18+14 \\ x=37 & x=32 \end{array}$$

- Học sinh làm bài và báo cáo với giáo viên:

Số bị trừ	72	55
Số trừ	53	37
Hiệu	19	18

3. HĐ vận dụng, ứng dụng: (2 phút)

- Giáo viên nhắc lại nội dung tiết học.
- + Cách tìm x trong các bài tập dạng: $x - a = b$ bằng cách sử dụng mối quan hệ giữa thành phần và kết quả của phép tính ,...
- + Nhận biết số trừ, số bị trừ, hiệu.
- +Biết giải toán dạng tìm số trừ chưa biết.
- Giáo viên nhận xét tiết học, tuyên dương học sinh tích cực

4.HĐ sáng tạo: (1 phút)

- Lớp 2C có 35 học sinh, sau khi chuyển đi một số học sinh đến các lớp học khác thì lớp 2C còn lại 30 học sinh. Hỏi có bao nhiêu học sinh đã chuyển đi lớp học khác?
- Giáo viên nhận xét tiết học
- Dặn học sinh về xem lại bài học trên lớp. Xem trước bài: **Đường thẳng**

TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI:

TRƯỜNG HỌC

(Chương trình hiện hành)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Nói được tên, địa chỉ và kể một số phòng học phòng làm việc sân chơi, vườn trường của em.

- Nói được ý nghĩa của của tên trường em : Tên trường em là tên danh nhân hoặc tên của xã, phường...

2. Kỹ năng: Học sinh

3. Thái độ: Giáo dục học sinh yêu thích môn học.

4. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển năng lực tự học, NL giao tiếp – hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL tư duy logic, NL quan sát,...

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: Sách giáo khoa, tranh ảnh phóng to trong sách giáo khoa.

- Học sinh: Sách giáo khoa.

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thảo luận nhóm, thực hành, trò chơi học tập.

- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, kỹ thuật khăn trải bàn, động não

- Hình thức dạy học cả lớp, theo nhóm, cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
1. HĐ khởi động: (5 phút)	
- - Giáo viên tổ chức trò chơi: <i>Hái hoa dân chủ</i> -TBHT điều hành -Nội dung chơi: + Cần làm gì để phòng tránh ngộ độc? + Khi bản thân hoặc người khác bị ngộ độc ta phải làm thế nào? - Giáo viên tổng kết trò chơi. - Giáo viên kết nối nội dung bài: Trong lớp ta có bạn nào thuộc bài hát về trường học không? - Mời cả lớp hát. - Hỏi: Bài hát mà các em vừa trình bày có ý nghĩa gì? Nói về ai? - Giáo viên nói: Để giúp cho các em biết trong trường có cơ sở vật chất gì? Hôm nay thầy sẽ hướng dẫn các em học bài: Trường học .-> Giáo viên ghi tựa bài lên bảng.	- Học sinh tham gia chơi - Lắng nghe. - Học sinh trả lời. - Cả lớp hát. - Học sinh phát biểu. - Học sinh lắng nghe.
2. HĐ hình thành kiến thức mới: (25 phút)	
*Mục tiêu:	
- Học sinh biết quan sát và mô tả một cách đơn giản cảnh quan của trường mình.	

Biết một số hoạt động thường diễn ra ở lớp học, thư viện, phòng truyền thống, phòng y tế.

- Học sinh biết sử dụng vốn từ riêng để giới thiệu trường học của mình.

***Cách tiến hành:**

Việc 1: Quan sát trường học: Làm việc cả lớp – Làm việc theo cặp

***Mục tiêu:** Biết quan sát và mô tả một cách đơn giản cảnh quan của trường mình.

***Cách tiến hành:**

Bước 1:

- Giáo viên tổ chức cho học sinh đi tham quan trường học để khai thác các nội dung sau: Tên trường và ý nghĩa của tên trường.

- Giáo viên tập trung học sinh trước cổng trường, yêu cầu học sinh đọc tên trường trước biển trường, nói địa chỉ của trường và gợi ý cho học sinh trao đổi về ý nghĩa của tên trường + Các lớp học.

- Giáo viên tổ chức cho học sinh đứng ở sân để quan sát các lớp học và phân biệt được từng khối lớp.

- Mời học sinh nói tên và chỉ vị trí của từng khối lớp và các phòng khác.

- Giáo viên tổ chức cho học sinh tham quan các phòng làm việc của ban giám hiệu, phòng hội đồng, thư viện.

- Sân trường và vườn trường: Giáo viên tổ chức cho học sinh quan sát sân trường, vườn trường và nhận xét chúng rộng hay hẹp, ở đó trồng những cây gì...

Bước 2: Trong lớp.

- Giáo viên tổng kết buổi tham quan giúp học sinh nhớ lại cảnh quan giúp học sinh nhớ lại cảnh tham quan của trường.

Bước 3: Giáo viên yêu cầu học sinh nói với nhau theo cặp về cảnh quan của trường mình:

- Giáo viên mời 1, 2 học sinh nói trước lớp về cảnh quan.

- Giáo viên kết luận: Trường học thường có sân, vườn và nhiều phòng như: Phòng làm việc của Ban Giám hiệu, phòng hội đồng... và các phòng học.

Việc 2: Làm việc với sách giáo khoa: Làm việc theo cặp – Làm việc cả lớp

***Mục tiêu:** Biết một số hoạt động thường diễn ra ở lớp học, thư viện, phòng truyền thống, phòng y tế.

*** Cách tiến hành:**

Bước 1: Làm việc theo cặp.

- Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát hình 3, 4, 5 ở trang 33 sách giáo khoa và trả lời các câu hỏi sau với bạn.

- Học sinh lắng nghe, ghi nhớ và thực hiện

- Học sinh xếp hàng đi tham quan trường học.

- Học sinh phát biểu.

- Học sinh tham quan các phòng, nhận xét.

- Học sinh lắng nghe.

- 1, 2 học sinh tập nói.

- Học sinh theo dõi.

- Học sinh quan sát các hình ở sách giáo khoa, thảo luận và trả lời các

<p>+ Ngoài các phòng học, trường của bạn còn có những phòng nào?</p> <p>+ Nói về hoạt động diễn ra ở lớp học, thư viện, phòng truyền thống, phòng y tế trong các hình.</p> <p>+ Bạn thích phòng nào? Tại sao?</p> <p>Bước 2: Làm việc cả lớp.</p> <p>- Giáo viên gọi một số học sinh trả lời câu hỏi trước lớp.</p> <p>- Giáo viên kết luận: Ở trường, học sinh học tập trong lớp học hay ngoài sân trường, vườn trường, ngoài ra các em có thể đến thư viện để đọc và mượn sách, đến phòng y tế để khám bệnh khi cần thiết,...</p> <p>Việc 3: Trò chơi: Hướng dẫn viên du lịch: Làm việc cả lớp</p> <p>*Mục tiêu: Biết sử dụng vốn từ riêng để giới thiệu trường học của mình.</p> <p>*Cách tiến hành:</p> <p>Bước 1: Mời một số học sinh tự nguyện tham gia trò chơi.</p> <p>- Giáo viên phân vai và cho học sinh nhập vai:</p> <p>+ 1 học sinh đóng vai hướng dẫn viên du lịch: Giới thiệu trường học của mình.</p> <p>+ 1 học sinh đóng vai nhân viên thư viện giới thiệu hoạt động diễn ra ở thư viện.</p> <p>+ 1 học sinh đóng vai bác sĩ ở phòng y tế: Giới thiệu hoạt động diễn ra ở phòng y tế.</p> <p>+ Một số học sinh đóng vai là khách tham quan nhà trường hỏi một số câu hỏi.</p> <p>Bước 2: Làm việc cả lớp.</p> <p>- Mời 1 học sinh lên diễn trước lớp.</p> <p>- Cả lớp, giáo viên theo dõi, nhận xét, góp ý.</p>	<p>câu hỏi.</p> <p>- Học sinh chia sẻ.</p> <p>- Học sinh lắng nghe.</p> <p>- Học sinh tập đóng vai.</p> <p>- Đại diện nhóm lên chia sẻ.</p> <p>- HS NX, bổ sung.</p> <p>- Học sinh diễn trước lớp.</p> <p>- Học sinh lắng nghe.</p>
<p>4. HĐ vận dụng, ứng dụng: (3 phút)</p> <p>- Giáo viên chốt lại những phần chính trong tiết dạy.</p> <p>- Giáo dục học sinh ý thức giữ gìn, bảo vệ trường lớp thêm xanh, sạch, đẹp và an toàn .</p>	
<p>5. HĐ sáng tạo: (2 phút)</p> <p>- Dẫn học sinh giữ sạch môi trường xung quanh lớp học,... và cùng phát động phong trào 5 phút sạch: sạch trường, sạch lớp,...</p> <p>- Giáo viên nhận xét tiết học, tuyên dương học sinh tích cực.</p> <p>- Dẫn học sinh về xem lại bài học trên lớp. Xem trước bài: Các thành viên trong nhà trường.</p>	

Thứ tư ngày 11 tháng 12 năm 2019

LUYỆN TỪ VÀ CÂU:

TỪ CHỈ ĐẶC ĐIỂM. CÂU KIỂU AI THẾ NÀO?

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Nêu được một số từ ngữ đặc điểm, tính chất của người, vật, sự vật (thực hiện 3 trong số 4 mục của BT1, toàn bộ BT2).
- Biết chọn từ thích hợp để đặt thành câu theo mẫu kiểu Ai thế nào? (thực hiện 3 trong số 4 mục ở BT3).

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng đặt câu.

3. Thái độ: Giáo dục học sinh yêu thích môn học.

4. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển năng lực: Tự chủ và tự học; Giao tiếp và hợp tác; Giải quyết vấn đề và sáng tạo; Ngôn ngữ; Văn học; Thẩm mỹ.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên:
 - + Tranh minh họa bài tập 1, dưới mỗi tranh viết các từ trong ngoặc đơn.
 - + 3 tờ giấy to kẻ thành bảng.
 - + Phiếu học tập theo mẫu của bài tập 3 phát cho từng học sinh.
- Học sinh: Vở bài tập Tiếng Việt

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập, thảo luận nhóm.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, “động não”
- Hình thức dạy học cả lớp, theo nhóm, cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

Hoạt động dạy	Hoạt động học
1. HĐ khởi động: (3 phút)	
<ul style="list-style-type: none">- TBHT điều hành trò chơi: Truyền điện: Tổ chức cho học sinh nối tiếp nhau thi đặt câu Ai làm gì?- Giáo viên tổng kết trò chơi, nhận xét, tuyên dương học sinh.- Giới thiệu bài mới - Ghi đầu bài lên bảng: Từ chỉ đặc điểm. Câu kiểu Ai thế nào?	<ul style="list-style-type: none">- Học sinh tham gia chơi.- Lắng nghe- Học sinh mở sách giáo khoa và vở Bài tập
2. HĐ thực hành (27 phút)	
*Mục tiêu: <ul style="list-style-type: none">- Nêu được một số từ ngữ đặc điểm, tính chất của người, vật, sự vật (thực hiện 3 trong số 4 mục của BT1, toàn bộ BT2).- Biết chọn từ thích hợp để đặt thành câu theo mẫu kiểu Ai thế nào? (thực hiện 3 trong số 4 mục ở BT3).	
*Cách tiến hành:	
Bài 1: Làm việc cá nhân – Chia sẻ trước lớp <ul style="list-style-type: none">- Treo từng bức tranh và yêu cầu học sinh quan sát- Yêu cầu trả lời với mỗi bức tranh.	<ul style="list-style-type: none">- Tìm 3 từ nói về đặc điểm tính chất.- Tự làm bài, mỗi em nói 1 câu.<i>*Dự kiến ND chia sẻ:</i>- Em bé rất xinh/ Em bé rất đẹp/ Em bé rất dễ thương.// Con voi rất khỏe/ Con voi rất to

- Cho học sinh đọc câu vừa tìm được
 - Nhận xét bình chọn em có câu đúng và hay
- Bài 2: Làm việc theo nhóm**
- Mời một em đọc nội dung bài tập 2
 - Yêu cầu làm việc theo nhóm.
 - Mời 3 em đưa bài của nhóm mình lên trên bảng

- Mời các nhóm nhận xét bài nhau.
 - Nhận xét bài làm học sinh.
 - Yêu cầu lớp đọc các từ vừa tìm được.
 - Yêu cầu lớp ghi vào vở.
- Bài 3: Làm việc cá nhân – Chia sẻ trước lớp**
- Mời 1 em đọc yêu cầu đề
 - Yêu cầu học sinh tự làm bài sau đó chữa bài

- + Mái tóc ông em thế nào?
- + Cái gì bạc trắng?..

- Gọi một em đọc bài.
 - Nhận xét bài làm của học sinh.
- Theo dõi, giúp đỡ đối tượng M1 hoàn thành BT*

3. HĐ vận dụng, ứng dụng: (3 phút)

- Hỏi lại tựa bài.
- Hỏi lại những điều cần nhớ.
- Em hãy đặt thành câu theo mẫu kiểu Ai thế nào?

Lưu ý đối tượng M1, M2.

- Giáo viên chốt lại những phần chính trong tiết học.

4. HĐ sáng tạo (2 phút)

- Quyển vở này màu vàng/
Quyển vở kia màu xanh// Cây
cau rất cao/ Cây cau thật xanh
tốt.

- Nói tiếp nhau đọc các câu vừa
tìm được.

- Học sinh lắng nghe.

- Một em đọc đề lớp đọc thầm.

- Lớp làm việc theo nhóm.

- Nhóm nào viết được nhiều từ
và đúng là thắng cuộc.

**Dự kiến ND chia sẻ:*

+ Tính tình: tốt, xấu, ngoan,
hiền, hư, chăm chỉ, lười nhác,...

+ Màu sắc: Xanh, đỏ, tím, vàng,
trắng, nâu, đen, hồng,...

+ Hình dáng: Cao, thấp, ngắn,
dài, béo, gầy, vuông, tròn.

- Học sinh nhận xét.

- Lắng nghe.

- Học sinh đọc.

- Học sinh làm vào vở.

- Học sinh đọc.

- Lớp tự làm bài

**Dự kiến ND chia sẻ:*

Ai (cái gì, con gì)	Thế nào?
Mái tóc của ông em	bạc trắng
Mẹ em rất	nhân hậu
Tính tình của bố em	rất vui vẻ
Dáng đi của em bé	lon ton

- Một vài học sinh đọc.

- Viết một đoạn văn khoảng 3– 5 câu có sử dụng một số từ ngữ đặc điểm, tính chất của người, vật, sự vật.
- Nhắc nhở học sinh về nhà xem lại bài đã làm, tìm thêm các từ chỉ một số từ ngữ đặc điểm, tính chất của người, vật, sự vật
- Nhận xét tiết học. Tuyên dương những học sinh có tinh thần học tập tốt.
- Nhắc nhở học sinh về nhà xem lại bài đã làm, chuẩn bị bài sau (...)

TẬP VIẾT:

CHỮ HOA N

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Viết đúng chữ hoa *N* (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), chữ và câu ứng dụng: *Nghĩ* (1 dòng cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ), *Nghĩ trước nghĩ sau* (3 lần)

2. Kỹ năng: Hiểu nội dung câu ứng dụng: *Nghĩ trước nghĩ sau* là trước khi làm việc gì cũng cần suy nghĩ chín chắn.

3. Thái độ: Rèn tính cẩn thận, chính xác. Yêu thích luyện chữ đẹp.

4. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển năng lực: Tự chủ và tự học; Giao tiếp và hợp tác; Giải quyết vấn đề và sáng tạo.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: Mẫu chữ (cỡ vừa), bảng phụ viết sẵn mẫu chữ, câu ứng dụng trên dòng kẻ (cỡ vừa và nhỏ)

- Học sinh: Vở Tập viết – Bảng con.

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành.

- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp.

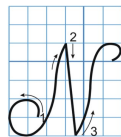
- Hình thức dạy học cả lớp, cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động dạy	Hoạt động học
1. HĐ khởi động: (5 phút)	
<ul style="list-style-type: none"> - TBHT bắt nhịp cho lớp hát tập thể -GV cho HS viết: +Viết bảng con chữ: <i>M</i> + Viết câu: <i>Miệng nói tay làm</i> - Cho học sinh xem một số vở của những bạn viết đẹp giờ trước. Nhắc nhở lớp học tập các bạn - Giới thiệu bài mới - Ghi đầu bài lên bảng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát bài: <i>Chữ đẹp, nét càng ngoan</i> - Viết bảng con. - Học sinh quan sát và lắng nghe - Theo dõi
2. HĐ nhận diện đặc điểm và cách viết: (10 phút)	
<p>*Mục tiêu: Biết viết chữ hoa theo cỡ vừa và nhỏ, chữ trong câu ứng dụng trên bảng con. Hiểu nghĩa câu ứng dụng.</p> <p>*Cách tiến hành: Hoạt động cả lớp</p>	

Việc 1: Hướng dẫn quan sát, nhận xét:

- Giáo viên treo chữ *N* hoa (đặt trong khung)
- Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát, nhận xét:



- + Chữ hoa *N* giống với chữ hoa nào?
- + Chữ hoa *N* cao mấy li?
- + Chữ hoa *N* gồm mấy nét? Đó là những nét nào?

Việc 2: Hướng dẫn viết:

- Giáo viên nhắc lại cấu tạo nét chữ.
- Nêu cách viết chữ.
- Giáo viên viết mẫu chữ *N* cỡ vừa trên bảng lớp, hướng dẫn học sinh viết trên bảng con.
- Giáo viên nhận xét uốn nắn cho học sinh cách viết các nét.

Việc 3: Hướng dẫn viết câu ứng dụng

- Giáo viên giới thiệu câu ứng dụng.
- Gọi học sinh đọc câu ứng dụng.
- Giúp học sinh hiểu nghĩa câu ứng dụng: ***Nghĩ trước nghĩ sau*** nghĩa là trước khi làm việc gì cũng cần suy nghĩ chín chắn.
- Hướng dẫn học sinh quan sát nhận xét:
 - + Các chữ ***N, g, h*** cao mấy li?
 - + Con chữ ***t*** cao mấy li?
 - + Con chữ ***r, s*** cao mấy li?
 - + Những con chữ nào có độ cao bằng nhau và cao mấy li?
 - + Đặt dấu thanh ở những chữ cái nào?

+ Khoảng cách giữa các chữ như thế nào?

- Giáo viên viết mẫu chữ *N* (cỡ vừa và nhỏ).
- Luyện viết bảng con chữ ***Nghĩ***
- Giáo viên theo dõi, uốn nắn. Lưu ý học sinh cách viết liền mạch.

- Học sinh quan sát.
- + Học sinh chia sẻ cặp đôi
- > Thống nhất trước lớp:

- + Giống chữ hoa ***M***.
- + Cao 5 li.
- + Gồm 3 nét: móc ngược trái, thẳng xiên, móc xuôi phải.

- Học sinh lắng nghe.
- Học sinh lắng nghe, ghi nhớ.
- Quan sát và thực hành

- Lắng nghe

- Quan sát
- Học sinh đọc câu ứng dụng
- Lắng nghe

*Dự kiến ND chia sẻ:

- + Cao 2 li rưỡi.
- + Cao 1 li rưỡi.
- + Cao hơn 1 li.
- + Các chữ ***i, u, o, c, n, a, u*** có độ cao bằng nhau và cao 1 li.
- + Dấu ngã đặt trên con chữ ***i*** trong chữ ***Nghĩ*** và chữ ***ngĩ***, dấu sắc trên con chữ ***o*** trong chữ ***trước***.

+ Khoảng cách giữa các chữ rộng bằng khoảng 1 con chữ.

- Quan sát.
- Học sinh viết chữ ***Nghĩ*** trên bảng con.
- Lắng nghe và thực hiện

3. HĐ thực hành viết trong vở: (15 phút)

***Mục tiêu:** Học sinh trình bày đúng và đẹp nội dung trong vở tập viết.

***Cách tiến hành:** **Hoạt động cả lớp - cá nhân**

<p>Việc 1: Hướng dẫn viết vào vở.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nêu yêu cầu viết: + 1 dòng chữ <i>N</i> cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ + 1 dòng chữ <i>Nghĩ</i> cỡ vừa, 1 dòng cỡ nhỏ + 3 dòng câu ứng dụng cỡ nhỏ - Nhắc nhở học sinh tư thế khi ngồi viết và các lưu ý cần thiết. - Giáo viên lưu ý học sinh quan sát các dấu chấm trên dòng kẻ của vở là điểm đặt bút. <p>Việc 2: Viết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên yêu cầu học sinh viết bài, từng dòng theo hiệu lệnh của giáo viên. - Theo dõi, giúp đỡ học sinh viết chậm. <p><i>Lưu ý theo dõi và giúp đỡ đối tượng HS hạn chế về chữ viết: Q.Anh, My, Trâm Anh</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát, lắng nghe - Lắng nghe và thực hiện - Học sinh viết bài vào vở Tập viết theo hiệu lệnh của giáo viên.
<p>4. HĐ vận dụng, ứng dụng: (3 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên chấm một số bài. - HS nhắc lại quy trình viết chữ N - Nhận xét, tuyên dương những học sinh viết tốt. - Trưng bày một số bài đẹp cho cả lớp lên tham khảo. - Yêu cầu HS nhắc lại nội dung bài học, những điểm cần ghi nhớ khi viết chữ N 	
<p>5. Hoạt động sáng tạo: (2 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết chữ hoa “<i>N</i>” và câu “<i>Nghĩ trước nghĩ sau</i>” kiểu chữ sáng tạo. - Về nhà tự luyện viết thêm cho đẹp hơn. - Nhận xét tiết học. - Yêu cầu học sinh về hoàn thành nốt bài viết và tự luyện viết một số chữ viết chưa đẹp. 	

TOÁN:

TIẾT 73: ĐƯỜNG THẲNG

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Nhận dạng được và gọi đúng tên đoạn thẳng, đường thẳng.
- Biết vẽ đoạn thẳng, đường thẳng qua hai điểm bằng thước và bút.
- Biết gọi tên đường thẳng.

2. Kỹ năng: Rèn cho học sinh kỹ năng vẽ đoạn thẳng, đường thẳng qua hai điểm bằng thước và bút.

3. Thái độ: Giáo dục học sinh tính cẩn thận, gọn gàng, khoa học. Yêu thích học toán.

*Bài tập cần làm: bài tập 1.

4. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển năng lực: Tự chủ và tự học; Giải quyết vấn đề và sáng tạo; Tư duy và lập luận toán học; Mô hình hóa toán học; Giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng dạy học:


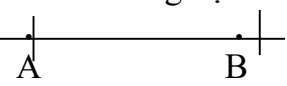
- Giáo viên: Sách giáo khoa, thước thẳng, phấn màu.

- Học sinh: Sách giáo khoa, thước thẳng.

2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp, kỹ thuật động não
- Hình thức dạy học cả lớp, cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
1. HĐ khởi động: (3 phút)	
<p>- TBHT điều hành trò chơi: Ai nhanh, ai đúng: +ND chơi: đưa ra phép tính cho học sinh nêu kết quả tương ứng: $32-x=14;$ $x-14=18 (...)$</p> <p>- Giáo viên nhận xét chung, tuyên dương học sinh.</p> <p>- Giới thiệu bài mới và ghi đầu bài lên bảng: Đường thẳng.</p>	<p>- Học sinh tham gia chơi.</p> <p>- Lắng nghe.</p> <p>- Học sinh mở sách giáo khoa, trình bày bài vào vở.</p>
2. HĐ hình thành kiến thức mới: (15 phút)	
<p>*Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận dạng được và gọi đúng tên đoạn thẳng, đường thẳng. - Biết vẽ đoạn thẳng, đường thẳng qua hai điểm bằng thước và bút. - Biết gọi tên đường thẳng. <p>*Cách tiến hành: Làm việc cả lớp</p>	
<p>Việc 1: Đoạn thẳng - đường thẳng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chấm lên bảng hai điểm. - Yêu cầu 1 em lên đặt tên cho hai điểm và vẽ đoạn thẳng đi qua 2 điểm. <p>- Em vừa vẽ được hình gì? - Ta kéo dài đoạn thẳng AB về hai phía ta sẽ có đường thẳng AB. - Yêu cầu học sinh lên kéo dài và nêu tên.</p> <p>- Làm thế nào để có đường thẳng AB khi đã có đoạn thẳng AB? - Yêu cầu học sinh vẽ đường thẳng AB vào nháp.</p> <p>Việc 2: Giới thiệu 3 điểm thẳng hàng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chấm thêm một điểm C trên đoạn thẳng vừa vẽ và giới thiệu. - 3 điểm A, B, C cùng nằm trên một đường thẳng với nhau. - Thế nào là 3 điểm thẳng hàng với nhau? 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh quan sát. - 1 em lên vẽ trên bảng.  <p>- Đoạn thẳng AB. - Lắng nghe.</p> <p>- Học sinh trải nghiệm:</p>  <ul style="list-style-type: none"> - Đường thẳng AB. - Kéo dài đoạn thẳng AB về hai phía ta có đường thẳng AB. - Thực hành vẽ vào nháp. <p>- Quan sát nhận xét.</p> <p>- Là 3 điểm cùng nằm trên một đường thẳng.</p>